Chọn từ điền vào chỗ trống

1. 你可以给我 _____ 你的朋友吗? 推进 推荐
Nǐ kěyǐ gěi wǒ _____ nǐ de péngyou ma?

2. 这家衣服店的衣服 _____ 好不好? 质量 重量
Zhè jiā yīfu diàn de yīfu _____hǎobuhǎo?

3. 想知道质量好坏_____看看 “评论”。 可以 和好
Xiǎng zhīdào zhìliàng hǎohuài _____kànkan “pínglùn”.

4. 你要仔细_____检查收货人名字和地址。 的 地
Nǐ yào zǐxì _____jiǎnchá shōuhuò rén míngzi hé dìzhǐ.

5. 我_____葡萄、草莓都放在冰箱里了。 把 吧
Wǒ _____ pútao, cǎoméi dōu fàng zài bīngxiāng lǐ le.

LIVEWORKSHEETS